Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng
Chương: 004

BẢNG PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKSHP ngày 05/10/2026 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	2	3	4	5	6	7	8
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**						
I	**Số thu phí, lệ phí**						
1	Lệ phí						
	Lệ phí…						
	Lệ phí…						
2	Phí						
	Phí…						
	Phí…						
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**						
1	***Chi sự nghiệp …***						
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
b	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ						
2	***Chi quản lý hành chính***						
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
b	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ						
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**						
1	***Lệ phí***						
	Lệ phí…						
	Lệ phí…						
2	***Phí***						
	Phí…						
	Phí…						
B	**Dự toán chi NSNN**	**63.482.000**	**63.482.000**	**63.482.000**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**63.482.000**	**63.482.000**	**63.482.000**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	**Chi quản lý hành chính**	**63.482.000**	**63.482.000**	**63.482.000**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	63.482.000	63.482.000	63.482.000	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển KHCN						
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
-	Nhiệm vụ KHCN, ĐMST						
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số						
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**						
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**						
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
5	**Chi bảo đảm xã hội**						
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
6	**Chi hoạt động kinh tế**						
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**						
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**						
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**						
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**						
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
II	**Nguồn vốn viện trợ**						
1	**Chi quản lý hành chính**						
1.1	Dự án A						
1.2	Dự án B						
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**						
2.1	Dự án A						
2.2	Dự án B						
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**						
3.1	Dự án A						
3.2	Dự án B						
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**						
4.1	Dự án A						
4.2	Dự án B						
5	**Chi đảm bảo xã hội**						
5.1	Dự án A						
5.2	Dự án B						
6	**Chi hoạt động kinh tế**						
6.1	Dự án A						
6.2	Dự án B						
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**						

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
7.1	Dự án A						
7.2	Dự án B						
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**						
8.1	Dự án A						
8.2	Dự án B						
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông số**						
9.1	Dự án A						
9.2	Dự án B						
10	**Chi sự nghiệp giáo dục thể thao**						
10.1	Dự án A						
10.2	Dự án B						
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**						
1	**Chi quản lý hành chính**						
1.1	Dự án A						
1.2	Dự án B						
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**						
2.1	Dự án A						
2.2	Dự án B						
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**						
3.1	Dự án A						
3.2	Dự án B						
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**						
4.1	Dự án A						
4.2	Dự án B						
5	**Chi đảm bảo xã hội**						
5.1	Dự án A						
5.2	Dự án B						
6	**Chi hoạt động kinh tế**						
6.1	Dự án A						

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
6.2	Dự án B						
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**						
7.1	Dự án A						
7.2	Dự án B						
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**						
8.1	Dự án A						
8.2	Dự án B						
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông số**						
9.1	Dự án A						
9.2	Dự án B						
10	**Chi sự nghiệp giáo dục thể thao**						
10.1	Dự án A						
10.2	Dự án B						

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng
Chương: 004

BẢNG PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKSHP ngày 05/10/2026 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)

Đơn vị tính: Đồng

Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8	Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11	Khu vực 12	Khu vực 13
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
(5.000.000)	**(3.482.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**
(5.000.000)	**(3.482.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**

Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8	Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11	Khu vực 12	Khu vực 13
(5.000.000)	**(3.482.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**	**(5.000.000)**
(5.000.000)	(3.482.000)	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)	(5.000.000)

Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8	Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11	Khu vực 12	Khu vực 13

Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8	Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11	Khu vực 12	Khu vực 13

Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8	Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11	Khu vực 12	Khu vực 13